



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 53

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để Ngày 24 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60752790/22630208-YE-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào Ngày 24 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 300.324.860 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.716.219.664 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.967.652.653	4.480.020.883
110	I. Tiền		22.056.536	18.717.492
111	1. Tiền	5	22.056.536	18.717.492
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.926.613.386	4.432.812.503
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	373.244.832	467.532.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	288.489.472	290.649.046
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	6.254.554.481	4.695.370.576
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.337.364.887	884.586.489
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8, 9	(1.327.040.286)	(1.905.325.863)
140	III. Hàng tồn kho	10	13.515.511	23.063.944
141	1. Hàng tồn kho		17.218.916	23.063.944
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.467.220	5.426.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		66.189	275.394
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.273.452	1.967.635
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.183.915
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.994.976.094	11.336.186.802
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.092.255.262	2.707.316.687
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.458.562.524	2.591.677.765
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	233.981.241	118.108.279
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(600.288.503)	(2.469.357)
220	II. Tài sản cố định		178.264.309	186.932.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	152.986.130	160.372.389
222	Nguyên giá		290.323.802	289.436.944
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(137.337.672)	(129.064.555)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	25.278.179	26.560.250
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.171.973)	(13.889.902)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	62.606.294	65.237.146
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.469.537)	(8.838.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.446.697	11.355.948
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.446.697	11.355.948
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	5.639.516.596	8.354.085.245
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.517.882.169	8.418.504.194
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.779.986.721	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(663.352.294)	(76.778.990)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.886.936	11.259.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	10.281.779	11.235.076
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.2	605.157	24.061
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.962.628.747	15.816.207.685

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.124.960.278	9.676.729.356
310	I. Nợ ngắn hạn		3.514.294.112	2.417.473.192
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	217.956.730	114.348.264
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	9.815.154	16.234.635
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.449.134	1.544.356
314	4. Phải trả người lao động	19	9.329.446	11.475.806
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.981.131.695	1.344.093.841
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		81.818	409.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	99.841.873	250.390.699
320	8. Vay ngắn hạn	21	1.193.584.752	678.872.990
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		5.610.666.166	7.259.256.164
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	653.649.038	817.366.279
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	21	4.943.908.006	6.428.613.238
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.442.496	5.610.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.837.668.469	6.139.478.329
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	5.837.668.469	6.139.478.329
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(3.716.219.664)	(6.678.268.588)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(3.415.894.804)	(5.649.837.069)
421b	- Lỗ trong năm		(300.324.860)	(1.028.431.519)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.962.628.747	15.816.207.685


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	256.060.554	376.925.022
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(3.711.538)	(13.318.930)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	252.349.016	363.606.092
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(245.921.405)	(334.486.271)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.427.611	29.119.821
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	938.548.947	867.189.161
22	7. Chi phí tài chính	25	(1.128.776.453)	(796.423.607)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(526.273.114)	(759.605.140)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(13.347.097)	(33.525.809)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(87.840.362)	(1.049.008.242)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(284.987.354)	(982.648.676)
31	11. Thu nhập khác	27	933.629	1.974.266
32	12. Chi phí khác	27	(16.852.231)	(48.104.109)
40	13. Lỗ khác	27	(15.918.602)	(46.129.843)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(300.905.956)	(1.028.778.519)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.2	581.096	347.000
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(300.324.860)	(1.028.431.519)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(300.905.956)	(1.028.778.519)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	12.292.727	14.125.334
03	Dự phòng		609.810.278	1.038.514.831
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.942.949	2.125.772
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(938.150.264)	(865.972.444)
06	Chi phí lãi vay	25	526.273.114	759.605.140
07	Các điều chỉnh khác		1.759.667	16.172.109
08	Lỗ của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(83.977.485)	(64.207.777)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(36.932.428)	970.048.282
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		5.845.028	(6.020.064)
11	Giảm các khoản phải trả		(55.107.844)	(151.288.804)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.162.502	(425.749)
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		(40.338.762)	(583.984.978)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.485.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(210.833.989)	164.120.910
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(279.206)	(1.863.567)
23	Tiền chi cho vay		(3.738.789.717)	(1.419.765.358)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.805.180.750	990.258.291
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(108.511.316)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.224.851.488	98.489.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		14.863.932	464.131.973
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.197.315.931	131.250.339

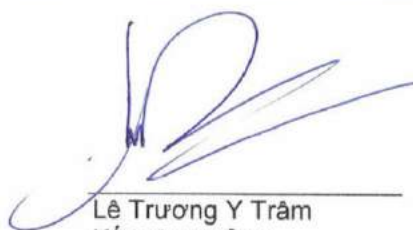
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	-	121.540.283
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(983.142.898)	(515.028.509)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(983.142.898)	(393.488.226)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.339.044	(98.116.977)
60	Tiền đầu năm		18.717.492	116.834.469
70	Tiền cuối năm	5	22.056.536	18.717.492



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	44,90
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(6) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,50
(7) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 126 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 183).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến Ngày 24 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 300.324.860 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.716.219.664 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 21 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp :

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	873.306	673.251
Tiền gửi ngân hàng	21.183.230	18.044.241
TỔNG CỘNG	22.056.536	18.717.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	261.776.000
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.576.000
- Phải thu khác	-	85.200.000
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.901.185	124.049.889
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	36.967.957	50.978.125
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	1.798.337	29.364.106
Phải thu tiền bán căn hộ	1.306.335	1.364.135
TỔNG CỘNG	373.244.832	467.532.255
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(51.962.222)	(8.579.854)
GIÁ TRỊ THUẦN	321.282.610	458.952.401
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	190.249.215	307.950.268
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 29)	182.995.617	159.581.987

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	8.579.854	24.654.386
Cộng: Dự phòng lập trong năm	47.573.306	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.190.938)	(288.979)
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(15.785.553)
Số cuối năm	51.962.222	8.579.854

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	288.489.472	290.649.046
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho bên liên quan (TM số 29)	286.841.877	286.841.877
Trả trước cho các bên thứ ba	1.647.595	3.807.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	6.182.020.478	4.532.763.528
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	72.534.003	162.607.048
	6.254.554.481	4.695.370.576
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	2.441.079.159	2.573.947.288
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	500.000	500.000
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	16.983.365	17.230.477
	2.458.562.524	2.591.677.765
TỔNG CỘNG	8.713.117.005	7.287.048.341
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(1.324.625.696)	(1.748.914.571)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.388.491.309	5.538.133.770

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	1.748.914.571	4.447.830.498
Cộng: Dự phòng lập trong năm	481.237.291	1.121.998.712
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(904.349.166)	-
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	(1.177.000)	(309.523.936)
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(3.511.390.703)
Số cuối năm	1.324.625.696	1.748.914.571
Trong đó:		
Ngắn hạn	762.455.900	1.748.914.571
Dài hạn	562.169.796	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2024 và hưởng lãi suất từ 7,575%/năm đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,00%/năm đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc cuối năm (USD)	<u>748.826</u>	<u>748.826</u>
Nợ cuối năm (Ngàn VND)	<u>16.983.365</u>	<u>17.230.477</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	831.598.722	711.029.198
Phải thu lãi cho vay	471.380.112	152.642.354
Tạm ứng cho nhân viên	28.664.855	18.081.410
Phải thu khác	5.721.198	2.833.527
	<u>1.337.364.887</u>	<u>884.586.489</u>
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	233.466.561	115.741.438
Phải thu khác	514.680	2.366.841
	<u>233.981.241</u>	<u>118.108.279</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.571.346.128</u>	<u>1.002.694.768</u>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(550.740.871)</u>	<u>(150.300.795)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.020.605.257</u>	<u>852.393.973</u>
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)	1.253.800.247	809.182.797
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 29)	233.221.894	115.557.606
Phải thu các bên thứ ba	84.323.987	77.954.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi:

		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	150.300.795	874.827.850
Cộng: Dự phòng lập trong năm	495.359.596	30.265.958
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(516.394.180)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(89.104.304)	(131.239.850)
Trừ: Xóa sổ dự phòng lập trong năm	(5.815.216)	(107.158.983)
Số cuối năm	<u>550.740.871</u>	<u>150.300.795</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	512.622.164	147.831.438
Dài hạn	38.118.707	2.469.357

10. HÀNG TỒN KHO

		Ngàn VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	10.233.748	9.650.843
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.963.988	5.595.095
Hàng hóa	1.882.855	2.378.495
Công cụ, dụng cụ	79.990	5.381.176
Thành phẩm	<u>58.335</u>	<u>58.335</u>
TỔNG CỘNG	17.218.916	23.063.944
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(3.703.405)</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>13.515.511</u>	<u>23.063.944</u>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	274.318
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.703.405	-
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	-	(274.318)
Số cuối năm	<u>3.703.405</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	227.679.188	19.357.265	32.425.240	3.177.751	6.689.440	108.060	289.436.944
Mua mới trong năm	-	663.518	-	821.484	-	-	1.485.002
Xoá sổ trong năm	-	(566.154)	-	(31.990)	-	-	(598.144)
Số cuối năm	227.679.188	19.454.629	32.425.240	3.967.245	6.689.440	108.060	290.323.802
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.334.242	7.653.038	16.373.944	2.637.605	6.689.440	108.060	36.796.329
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(74.903.472)	(18.154.535)	(26.212.286)	(2.996.762)	(6.689.440)	(108.060)	(129.064.555)
Khấu hao trong năm	(6.216.118)	(618.221)	(1.349.087)	(196.378)	-	-	(8.379.804)
Xoá sổ trong năm	-	106.154	-	533	-	-	106.687
Số cuối năm	(81.119.590)	(18.666.602)	(27.561.373)	(3.192.607)	(6.689.440)	(108.060)	(137.337.672)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	152.775.716	1.202.730	6.212.954	180.989	-	-	160.372.389
Số cuối năm	146.559.598	788.027	4.863.867	774.638	-	-	152.986.130
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 21 và 30)</i>	101.287.141	-	4.863.867	-	-	-	106.151.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	25.278.179	15.171.973	40.450.152
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	15.171.973	15.171.973
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(13.889.902)	(13.889.902)
Hao mòn trong năm	-	(1.282.071)	(1.282.071)
Số cuối năm	-	(15.171.973)	(15.171.973)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.278.179	1.282.071	26.560.250
Số cuối năm	25.278.179	-	25.278.179
<i>Trong đó:</i>			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21 và 30)	25.278.179	-	25.278.179

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(739.394)	(1.891.458)	(2.630.852)
Số cuối năm	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.375.051	41.862.095	65.237.146
Số cuối năm	22.635.657	39.970.637	62.606.294
<i>Trong đó:</i>			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21 và 30)	22.635.657	39.970.637	62.606.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.339.779	1.884.188
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.852	2.630.853

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (TM số 14.1)	4.517.882.169	8.418.504.194
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	1.779.986.721	7.360.041
TỔNG CỘNG	6.302.868.890	8.430.864.235
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(663.352.294)	(76.778.990)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.639.516.596	8.354.085.245

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (*)	Nông nghiệp	98,00	2.489.291.000	(549.643.647)	78,22	1.977.146.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	1.822.042.563	-	88,03	1.822.042.563	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai (**)	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616	(89.769.616)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (***)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	40,29	4.443.536.641	-
TỔNG CỘNG			4.517.882.169	(657.192.253)		8.418.504.194	(76.778.990)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi"), công ty con của Công ty, từ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo với giá trị là 124.645.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 78,22% lên 82,67% kể từ ngày này.

Tiếp theo vào ngày 7 tháng 12 năm 2021, Công ty đã mua thêm 15,33% phần vốn góp trong Hưng Thắng Lợi từ Công ty Cổ phần Lê Me và Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên với tổng giá trị là 387.500.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 82,67% lên 98% tại ngày này.

(**) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã mua thêm 5.312.500 cổ phần được phát hành mới theo mệnh giá trong Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao Hoàng Anh Gia Lai"), công ty con của Công ty với giá trị là 30.769.616 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Thể thao Hoàng Anh Gia Lai tăng từ 51,00% lên 97,50% kể từ ngày này.

(***) Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO") trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 41.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 612.960.438 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 199.073.407 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 36,55%.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 75.000.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 844.009.828 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 96.644.535 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 36,55% xuống còn 29,78%.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 72.110.385 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 825.936.462 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 107.177.128 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 29,78% xuống còn 23,28%.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 79.870.455 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 856.439.777 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.027.210 ngàn VND (TM 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 23,28% xuống còn 16,07% và khoản đầu tư vào HNG được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác kể từ ngày này (TM số 14.3).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	(5.000.000)	25,00	5.000.000	-

14.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (TM số 14.1) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	16,07	1.772.626.680	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	-	2,00	6.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	-
TỔNG CỘNG			1.779.986.721	(1.160.041)		7.360.041	-

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	8.976.556	8.609.091
Công cụ, dụng cụ	848.604	1.653.762
Chi phí trả trước khác	456.619	972.223
TỔNG CỘNG	10.281.779	11.235.076

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	217.956.730	113.677.123
Phải trả khác	-	671.141
TỔNG CỘNG	217.956.730	114.348.264
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 29)</i>	<i>190.267.116</i>	<i>41.530.520</i>
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	<i>27.689.614</i>	<i>72.817.744</i>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	9.815.154	9.801.676
Nhận ứng trước của khách hàng dịch vụ xây dựng	-	6.432.959
TỔNG CỘNG	9.815.154	16.234.635
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 29)</i>	<i>8.640.087</i>	<i>15.073.046</i>
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	<i>1.175.067</i>	<i>1.161.589</i>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.308.062	3.925.976	(4.344.994)	889.044
Thuế giá trị gia tăng	168.340	19.885.241	(18.558.721)	1.494.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Khác	2.724	1.452.319	(1.455.043)	-
TỔNG CỘNG	1.544.356	25.263.536	(24.358.758)	2.449.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.958.542.747	1.320.191.343
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí hoạt động	4.253.660	4.108.660
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	3.885.730
	<u>1.981.131.695</u>	<u>1.344.093.841</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	653.649.038	817.366.279
TỔNG CỘNG	<u>2.634.780.733</u>	<u>2.161.460.120</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	54.667.573	99.199.471
Phải trả do thu hộ	44.037.238	43.409.187
Phải trả về hợp tác kinh doanh	-	104.112.630
Khác	1.137.062	3.669.411
	<u>99.841.873</u>	<u>250.390.699</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	<u>107.508.499</u>	<u>258.057.325</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	72.546.509	116.356.081
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)	34.961.990	141.701.244

- (i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (TM số 21.1)	1.193.584.752	625.730.091
Vay ngắn hạn khác	-	53.142.899
	<u>1.193.584.752</u>	<u>678.872.990</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn (TM số 21.1)	4.943.908.006	6.428.613.238
TỔNG CỘNG	<u>6.137.492.758</u>	<u>7.107.486.228</u>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong năm như sau:

	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	678.872.990	6.428.613.238	7.107.486.228
Trả nợ gốc vay trong năm	(363.142.899)	(620.000.000)	(983.142.899)
Vay dài hạn đến hạn trả	875.666.390	(875.666.390)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.188.270	10.961.158	13.149.428
Số cuối năm	<u>1.193.584.752</u>	<u>4.943.908.006</u>	<u>6.137.492.758</u>

21.1 Trái phiếu thường dài hạn

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tổ chức thu xếp phát hành		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB ("HDBS")	-	930.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(38.507.242)	(51.656.671)
TỔNG CỘNG	<u>6.137.492.758</u>	<u>7.054.343.329</u>
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	4.943.908.006	6.428.613.238
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.193.584.752	625.730.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích
---------------------------------	----------	-----------------------	---------------------	-----------------	----------

Tài sản thế chấp
(TM số 10, 11, 12 và 13)

BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2021: 7,53 – 8,60)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn
----------------	----------	---------------	--	---------------------------------	---

Các quyền thuê đất như sau:

4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh làm chủ sở hữu;
9.231,6 ha (trồng cao su), 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu;
Quyền sử dụng và khai thác 5.357 ha cọ dầu trên diện tích đất 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas;
1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Heng Brothers;
3.283,7 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH C.R.D;
Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên;
Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
44.926.000 cổ phiếu HAG do Chủ tịch HĐQT nắm giữ;
Công trình Bệnh viện Đại học Y được HAGL thuộc Bệnh viện HAGL;
Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc Công ty;
Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Thể Thao HAGL;
16,5 ha chuồng trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Thể Thao HAGL;
2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián tọa lạc tại Đà Nẵng thuộc Công ty;
13.310.000 cổ phiếu HNG và 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty.

Chi phí phát hành
trái phiếu (38.224.069)

TỔNG CỘNG 5.837.775.931

Trong đó:
Trái phiếu
dài hạn 4.644.191.179
Trái phiếu dài
hạn đến hạn trả 1.193.584.752

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tổng giá trị là 1.759.213.821 ngàn VND. Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 14)
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2021: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(283.173)				
TỔNG CỘNG		299.716.827				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		299.716.827				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(5.649.837.069)	7.167.909.848
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.028.431.519)	(1.028.431.519)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329
Năm nay						
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để cân trừ với lỗ lũy kế (i)	-	(3.263.858.784)	-	-	3.263.858.784	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(300.324.860)	(300.324.860)
Chi thù lao HĐQT và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	-	(686.640)	279.895.303	(3.716.219.664)	5.837.668.469

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 1609/21/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 16 tháng 9 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần để cân trừ lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.263.858.784 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.467.947</i>	<i>927.467.947</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.399.283</i>	<i>927.399.283</i>
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Doanh thu gộp	256.060.554	376.925.022
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>208.286.325</i>	<i>80.522.164</i>
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	<i>34.257.854</i>	<i>209.610.275</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>13.516.375</i>	<i>86.792.583</i>
Khoản giảm trừ	(3.711.538)	(13.318.930)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(3.711.538)</i>	<i>(13.318.930)</i>
Doanh thu thuần	252.349.016	363.606.092
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>204.574.787</i>	<i>80.522.164</i>
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	<i>34.257.854</i>	<i>196.291.345</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>13.516.375</i>	<i>86.792.583</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	<i>219.304.219</i>	<i>153.277.069</i>
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	<i>33.044.797</i>	<i>210.329.023</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	475.148.024	840.461.884
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 14.1)	462.922.280	25.510.560
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	398.687	1.216.717
Thu nhập cổ tức	79.956	-
TỔNG CỘNG	938.548.947	867.189.161
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên thứ ba	495.656.316	17.487.607
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 29)	442.892.631	849.701.554

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	207.947.480	73.013.944
Giá vốn bán trái cây	25.041.772	185.843.370
Giá vốn dịch vụ cung cấp	12.932.153	75.628.957
TỔNG CỘNG	245.921.405	334.486.271

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	586.573.304	17.778.990
Chi phí lãi vay	526.273.114	759.605.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.610.007	2.867.368
Chi phí lãi HĐHTKD	1.759.667	16.172.109
Khác	8.560.361	-
TỔNG CỘNG	1.128.776.453	796.423.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.707.153	31.363.586
Chi phí lương nhân viên	828.048	886.805
Chi phí bán hàng khác	811.896	1.275.418
	<u>13.347.097</u>	<u>33.525.809</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	35.831.843	34.187.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.313.438	16.977.996
Chi phí dự phòng	26.525.786	989.021.175
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.096.903	7.052.386
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.072.392	1.769.395
	<u>87.840.362</u>	<u>1.049.008.242</u>
TỔNG CỘNG	<u>101.187.459</u>	<u>1.082.534.051</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	<u>933.629</u>	<u>1.974.266</u>
Chi phí khác		
Xóa sổ công nợ	8.579.577	31.714.666
Các khoản phạt	200.000	12.441.060
Chi phí khác	<u>8.072.654</u>	<u>3.948.383</u>
	<u>16.852.231</u>	<u>48.104.109</u>
LỖ KHÁC	<u>(15.918.602)</u>	<u>(46.129.843)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(581.096)	(347.000)
TỔNG CỘNG	(581.096)	(347.000)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại và năm trước. Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận tính thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(300.905.956)	(1.028.778.519)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	590.693.269	1.045.217.476
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	39.660.589	-
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.272.700	1.885.903
Thu nhập cổ tức	(79.956)	-
Khác	21.107	6.288.895
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong năm hiện hành	334.661.753	24.613.755
Lỗ năm trước chuyển sang	(334.661.753)	(24.613.755)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	65.230
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 18)	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
			Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	605.157	(449.383)	(473.444)	377.181
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	473.444	1.054.540	(30.181)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	605.157	24.061		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			581.096	347.000

28.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 424.710.533 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 759.372.286 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Không được chuyển lỗ			
2017	2022	321.978.808	(321.978.808)	-	-	-
2018	2023	78.379.982	(37.296.700)	-	41.083.282	-
2019	2024	383.627.251	-	-	383.627.251	-
TỔNG CỘNG		783.986.041	(359.275.508)	-	424.710.533	-

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Ngàn VND
				Năm trước
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	1.088.916.833	-
		Lãi cho vay	57.735.472	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.692.274	-
		Bán tài sản cố định	1.614.083	-
		Mua dịch vụ	413.533	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	462.746.488	149.794.154
		Lãi cho vay	34.861.066	238.112.660
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.272.132	130.807.275
		Mua hàng hóa	12.205.383	-
		Góp vốn bằng khoản phải thu	-	1.822.042.563
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	384.012.430	-
		Lãi cho vay	24.690.715	-
		Mua hàng hóa	1.576.052	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	311.743.480	439.321.000
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	165.266.611	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	159.077.418	-
		Lãi cho vay	11.772.952	46.333.985
		Mua tài sản	97.364	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	308.531.165	293.053.596
		Cho vay	161.506.120	266.578.296
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Cho vay	114.260.000	-
		Lãi cho vay	4.180.123	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	104.042.000	-
		Lãi cho vay	7.486.903	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	1.755.556	6.511.106
		Chi hộ	146.430	-
		Cho mượn	-	7.005.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Góp vốn bằng khoản phải thu	53.125.000	-
		Cho vay	38.567.582	19.383.000
		Chi hộ	691.437	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.534	-
		Mua dịch vụ	54.800	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	25.910.692	-
		Lãi cho vay	14.273.336	22.292.669
		Mua hàng hóa	182.636	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.086.373	9.953.036
		Chi hộ	829.705	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.718.394	21.092.520
		Lãi cho vay	4.047.501	4.058.590
		Mua hàng hóa	679.334	-
		Chi hộ	533.056	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	984.349	19.233.392
		Mua tài sản	566.154	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	68.812	21.574.891
		Lãi cho vay	-	199.093.206
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	669.185	4.682.948
		Mua hàng hóa	13.805	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	646.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó tổng giám đốc	Cho vay Chi phí lãi HĐHTKD	159.863 -	- 4.122.224
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	84.638 39.333	- -
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	4.113	5.538.779
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	34.604.389
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	- -	10.579.249 4.276.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	129.051.231	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.147.542	7.240.221
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.023.007	4.702.319
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.420.359	-
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.764.302	-
		Bán tài sản cố định	1.748.337	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	28.380.641
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thanh lý TSCĐ	-	26.283.627
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	12.323.541
		Bán hàng hóa	-	7.115.198
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	17.022.884
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	9.932.702
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	7.471.281
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	743.181	6.011.915
			182.995.617	159.581.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	4.120.545.983	3.644.498.048
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	1.351.784.995	737.585.456
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	500.000.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	102.165.041	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Cho vay	64.431.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	38.883.530	8.907.530
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	4.209.929	86.936.725
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	-	49.900.701
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai – Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	3.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	-	1.811.406
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	123.662
			6.182.020.478	4.532.763.528

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2022 với lãi suất trung bình từ 7,58%/năm đến 8,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND
				Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	636.677.270	1.301.191.816
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	587.132.488	124.182.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	405.418.080	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	237.698.118	198.827.184
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	178.816.833	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	124.747.488	100.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	105.918.838	107.459.985
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	99.018.219	726.305.996
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	15.751.124	15.980.307
			2.441.079.159	2.573.947.288

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2024 với lãi suất trung bình từ 4,80%/năm đến 12,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 11 năm 2021, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	571.054.957 -	534.708.112 15.147.635
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	404.394.310	112.367.032
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Khác	144.184.767 2.630.603	56.879.963 -
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	64.280.709 922.245	- 922.245
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay Khác	26.200.685 1.520.465	- -
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.856.246	22.873.208
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Cho mượn Khác	7.486.903 - 10.812	- 65.490.397 26.121
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.180.123	-
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	3.077.422	768.084
			1.253.800.247	809.182.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	57.184.692	45.411.741
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	43.144.374	29.854.077
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	36.286.633	1.425.567
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.534.787	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	24.690.715	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.021.989	10.499.762
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.624.571	4.805.684
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	19.195.136	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.538.997	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	21.999.386
Các công ty khác	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	1.561.389
			233.221.894	115.557.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	157.029.538	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	14.825.091	17.495.005
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	9.257.374	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.238.706	12.792.908
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	5.921.864
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	916.407	5.320.743
			190.267.116	41.530.520
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 17)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087
		Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	-	6.432.959
			8.640.087	15.073.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Thu hộ	10.415.275	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	100.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tạm	-	9.408.242
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD	-	4.112.630
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ	-	1.812.809
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	-	594.335
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	1.776.965	3.003.478
			34.961.990	141.701.244

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.662.428	2.482.728
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.214.202	2.077.893
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.519.645	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.286.281	1.326.582
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	243.000	1.308.936
Các cá nhân khác		2.408.545	1.304.400
TỔNG CỘNG		10.334.101	8.500.539

(*) Bao gồm tiền lương và / hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	35.634.684	34.329.296
TỔNG CỘNG	42.143.794	40.838.406

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m² thuộc sở hữu của Công ty; và
- 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV Thanh Hóa để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản bảo lãnh trên.

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	421.542.494	412.962.919
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	432.254.710	416.682.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 48.100.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 11,73%.

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 25.400.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 11,73% xuống còn 9,4%.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Số: 20 /CV-HAGL

(V/v: Giải trình BCTC Tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán)

Gia Lai, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình khoản kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp đã được kiểm toán năm 2021 như sau:

I. Giải trình khoản lỗ năm 2021:

Lỗ sau thuế của Công ty là 300.324.860 ngàn VND, bao gồm lỗ kinh doanh 284.987.354 ngàn VND và lỗ khác 15.918.602 ngàn VND. Các yếu tố chính cấu thành như sau:

1. Lỗ từ hoạt động kinh doanh:

- Lợi nhuận gộp	:	6.427.611 ngàn VND
- Doanh thu tài chính	:	938.548.947 ngàn VND
- Chi phí tài chính	:	(1.128.776.453) ngàn VND
- Chi phí bán hàng	:	(13.347.097) ngàn VND
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	:	(87.840.362) ngàn VND
- Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	:	(284.987.354) ngàn VND

Nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ Công ty trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn và các khoản công nợ phải thu khó đòi.

2. Lỗ khác:

Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đánh giá lại các tài sản không hiệu quả.

II. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2021 so với năm 2020 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngàn VND

Khoản mục	BCTC Tổng hợp năm 2021	BCTC Tổng hợp năm 2020	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(300.324.860)	(1.028.431.519)	728.106.659

Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp giảm 22.692.210 ngàn VND, chủ yếu do trong năm hoạt động kinh doanh trái cây giảm.
- Lỗ hoạt động tài chính tăng 260.993.060 ngàn VND, chủ yếu là do năm 2021 Công ty ghi nhận dự phòng các khoản đầu tư nhiều hơn trong năm 2020.
- Chi phí quản lý giảm 961.167.880 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020 phát sinh khoản trích dự phòng công nợ phải thu.
- Chi phí khác giảm 31.251.878 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do năm 2021 các khoản đánh giá lại tài sản không hiệu quả đã giảm nhiều.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

III. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán:

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.716.219.664 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động vốn chủ sở hữu đầu tư vào ngành chuỗi và chăn nuôi heo. Giải pháp này sẽ giúp tăng hệ số an toàn tài chính, đầu tư gia tăng tài sản sinh lợi, qua đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm rủi ro.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT